

Bản án số: 1280/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 868/2020/TLST-HN, ngày 10/7/2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 265/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thiện M, địa chỉ: Số A đường N, Phường M, Quận N;

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H; địa chỉ cư trú cuối cùng: Số V đường T, Phường M, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 10/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Võ Thiện M trình bày:

Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 1983, có đăng ký kết hôn ngày 27/8/1983 theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G cấp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc, gia đình chỉ có vài mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn nghiêm trọng, chủ yếu về vấn đề kinh tế. Do hai bên không hoà giải được nên bà H bỏ nhà đi cho đến nay. Ban đầu vì có mâu thuẫn nên ông không tìm kiếm bà H. Sau đó, ông và các con tìm kiếm nhiều nơi nhưng cho đến nay ông và gia đình không có tin

tức gì và cũng không biết bà H ở đâu. Tình cảm vợ chồng với bà H không còn, nghĩa vụ đối với nhau cũng không có. Hiện nay, ông bị bệnh nan y cần có người chăm sóc, quan tâm và chia sẻ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông M được ly hôn với bà H;
- Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Võ Tấn D, sinh năm 1984 và Võ Đình H, sinh năm 1987. Con chung đã trưởng thành, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - bà Bùi Thị H: Từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà H không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Ông Võ Tấn D là con chung của ông M và bà H có ý kiến: Mẹ ông đi đâu không rõ từ năm 2010 cho đến nay. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ba ông được ly hôn với mẹ ông.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của Ông M phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục giải quyết:

Ông M có đơn tranh chấp về ly hôn với bà H. Bà H có nơi cư trú cuối cùng tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng:

Ông M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đây là ý chí của ông M. Yêu cầu của đương sự phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn - bà Bùi Thị H, Tòa án nhân dân quận G đã tuyên bố mất tích theo Quyết định số 143/2020/QĐST-DS, ngày 22/6/2020 và đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Võ Thiện M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa Ông M và bà H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn, đăng ký ngày 27/8/1983 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G cấp nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà H không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông M và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có). Chính quyền địa phương xác định từ khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay, bà H không trở về địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông M phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Võ Tấn D, sinh năm 1984 và Võ Đình H, sinh năm 1987. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ông M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Ông M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thiện M

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Thiện M và bà Bùi Thị H.

1.2. Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Võ Tấn D, sinh năm 1984 và Võ Đình H, sinh năm 1987. Con chung đã trưởng thành, ông M không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản: Ông M không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Ông M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông M và bà H được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh